

# Land&Life

VOL.47 | THÁI BÌNH | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**



## THÁI BÌNH (2021-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố

Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 -2025

# 47

AUG - 2022

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Hải Dương với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Vol.47 Land&Life tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về 63 tỉnh thành của Việt Nam, chúng tôi xin được giới thiệu tới Quý độc giả về tỉnh Thái Bình.

Thái Bình là tỉnh ven biển, thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, nằm trong vùng ảnh hưởng của tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Giai đoạn 2015-2020, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi cơ bản nhưng cũng gặp không ít khó khăn, Thái Bình đã tận dụng những tiềm năng của tỉnh để nỗ lực vượt qua thách thức, xây dựng và đạt được một số kết quả: Tổng sản phẩm GRDP bình quân ước tăng 9%/năm, tổng số thu nội địa đạt trên 35.599 tỷ đồng là tỉnh dẫn đầu, điểm sáng về cung cấp nước sạch cho toàn dân của cả nước,...

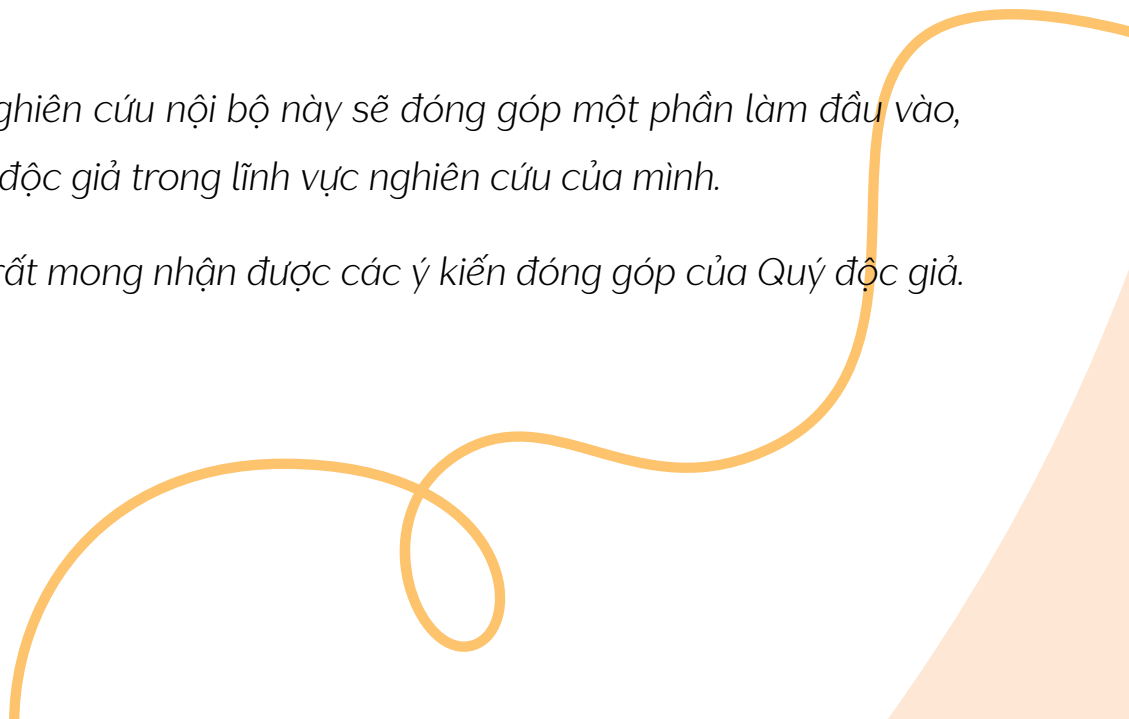
Nhiệm kỳ mới, Thái Bình đặt mục tiêu xây dựng tỉnh đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển khá, đến năm 2030 theo kịp nhóm dẫn đầu và đến năm 2045 là tỉnh phát triển trong khu vực đồng bằng sông Hồng..

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.47 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!



## Chịu trách nhiệm nội dung



### Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

### Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

### Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng



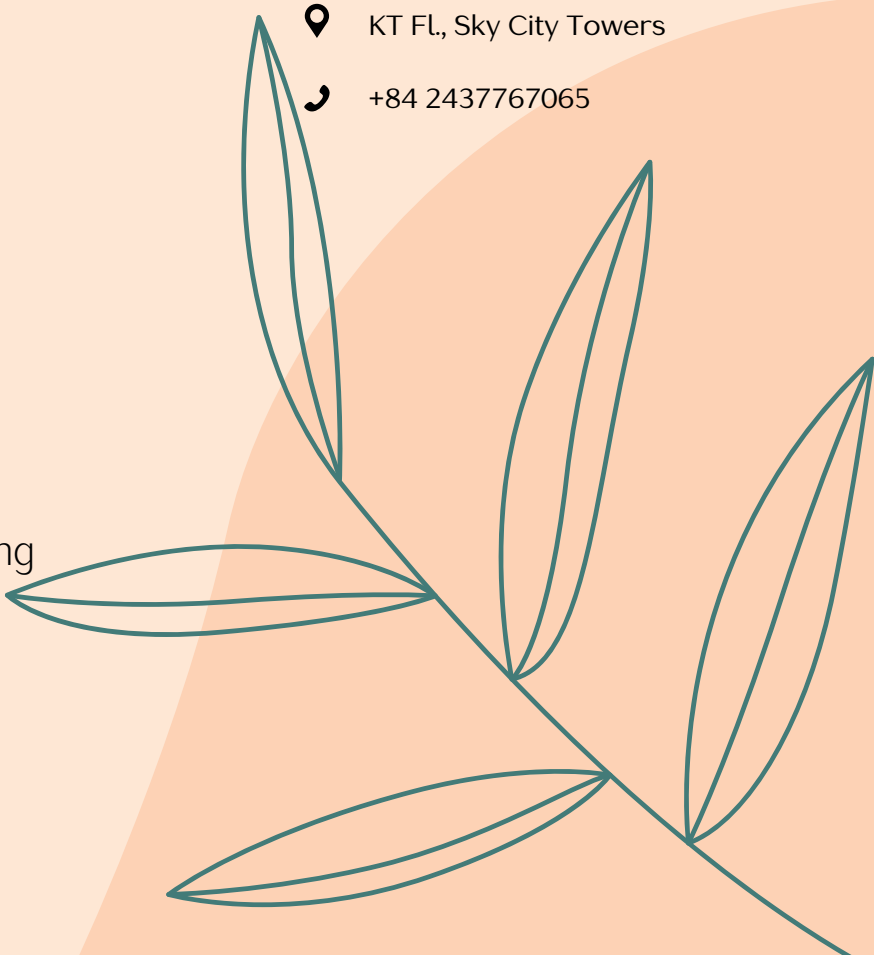
### PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

*Wan Tuan*  
*Ho Wan Tuan*

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065



14



*Thành phố Thái Bình*

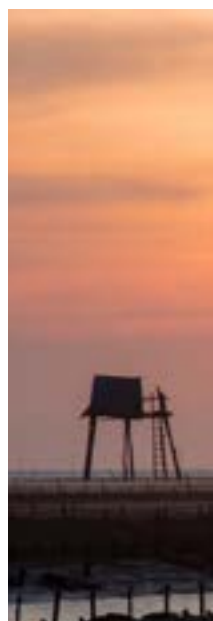


*Huyện*

30



*Huyện Thái Thụy*





18

*Huyện Đông Hưng*



20

*Huyện Hưng Hà*



24

*Kiên Xương*



26

*Huyện Quỳnh Phụ*



32

*Huyện Tiền Hải*



36

*Huyện Vũ Thư*

# TỈNH THÁI BÌNH

## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Thái Bình có tọa độ từ 20°18'B đến 20°44'B, 106°06'Đ đến 106°39'Đ. Vị trí tiếp giáp tỉnh Thái Bình:

Phía Bắc giáp tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên và thành phố Hải Phòng

Phía Tây giáp tỉnh Hà Nam

Phía Nam giáp tỉnh Nam Định

Phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ và Biển Đông.



## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1557 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 1.860.447 người

Mật độ: 10.877 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Thái Bình có 8 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 1 thành phố và 7 huyện với 260 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 10 phường, 9 thị trấn và 241 xã.



# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025  
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**



*Phát huy thành quả và kinh nghiệm của các nhiệm kỳ qua, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với bảo vệ môi trường, chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Phấn đấu xây dựng Thái Bình đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển khá, đến năm 2030 theo kịp nhóm dẫn đầu và đến năm 2045 là tỉnh phát triển trong khu vực đồng bằng sông Hồng.*

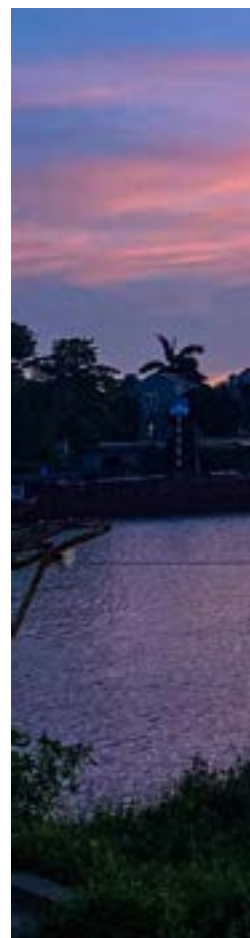


## Hàng năm

- Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 90% trở lên; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.
- Cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xếp loại tốt đạt 90% trở lên.

## Bình quân giai đoạn 2021 - 2025

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 10%/năm trở lên.
- Năng suất lao động (tính theo giá so sánh) tăng từ 9,0%/năm trở lên.
- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu 10%/năm trở lên.
- Tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm so với GRDP đạt 60% trở lên.
- Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa (không tính tiền thu sử dụng đất) đạt 12%/năm trở lên.





## Đến năm 2025

- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm) đạt 80% trở lên.
- GRDP bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng (3.500 USD) trở lên.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động toàn xã hội giảm còn 22%.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 30% trở lên.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên.
- Số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 14 bác sĩ trở lên.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 99% trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 78 triệu đồng/năm trở lên.
- Giảm 1/3 số hộ nghèo so với năm 2020.
- Tỷ lệ gia đình, thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa đạt 90% trở lên.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 20% trở lên.
- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80% trở lên.

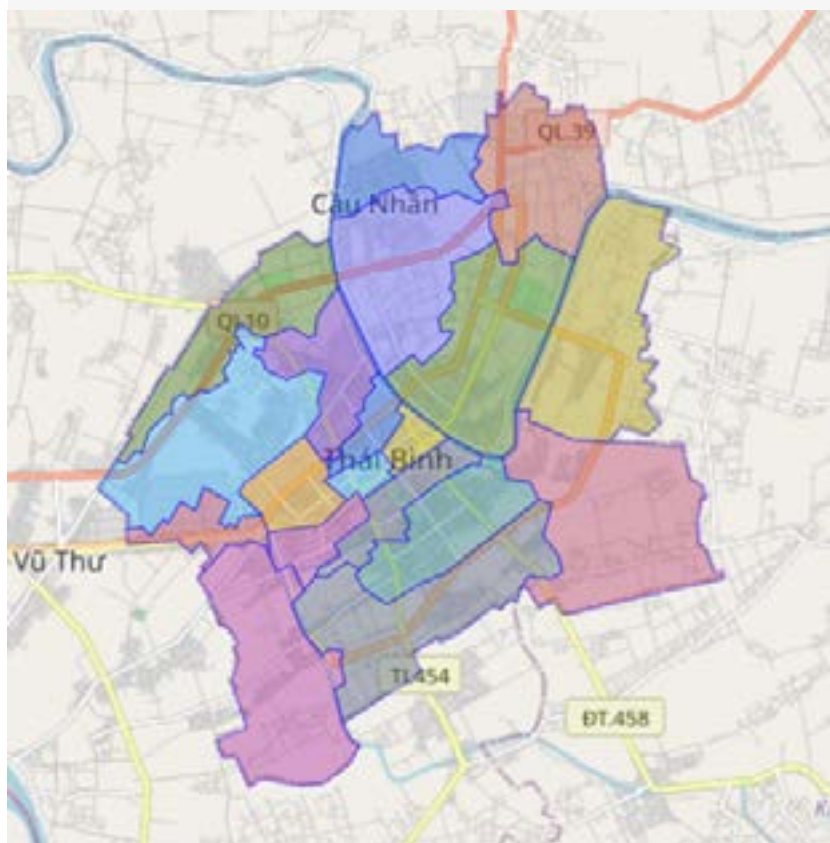




## Đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

- Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 (tính theo GRDP, giá thực tế) tăng gấp 1,8 lần so với năm 2025 và đến năm 2045 tăng gấp 6 lần năm 2025.
- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm) đến năm 2030 đạt 85% trở lên và đến năm 2045 đạt khoảng 90%.
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 tương đương với bình quân chung của cả nước và đến năm 2045 cao gấp 1,2 lần trở lên mức bình quân chung của cả nước

# TP. THÁI BÌNH



## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Thái Bình nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, có vị trí địa lý:

Phía đông nam và phía nam giáp huyện Kiến Xương

Phía tây và phía tây nam giáp huyện Vũ Thư

Phía bắc giáp huyện Đông Hưng.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 67,71 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 206.037 người

Mật độ: 3.043 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Thái Bình có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 phường: Bồ Xuyên, Đề Thám, Hoàng Diệu, Kỳ Bá, Lê Hồng Phong, Phú Khánh, Quang Trung, Tiên Phong, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm và 9 xã: Đông Hoà, Đông Mỹ, Đông Thọ, Phú Xuân, Tân Bình, Vũ Chính, Vũ Đông, Vũ Lạc, Vũ Phúc.





# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025  
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**



***Xây dựng thành phố Thái Bình phát triển nhanh và bền vững, trở thành đô thị xanh, đô thị cảnh quan, văn minh, hiện đại, có bản sắc riêng; có kết cấu hạ tầng đô thị hiện đại, kết nối thuận lợi; là đầu tàu kinh tế, là trung tâm thương mại dịch vụ của Tỉnh, có sức thu hút và lan toả cao; phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; có nếp sống văn minh đô thị, chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao; có tổ chức đảng, chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh. Phấn đấu đến năm 2025 thành phố Thái Bình được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh; đến năm 2030 trong nhóm các đô thị phát triển khá, đến năm 2045 trong nhóm các đô thị dẫn đầu của vùng đồng bằng sông Hồng và là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng của khu vực.***





## Giai đoạn 2021-2025

- Bình quân tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 12,7%/năm;
- Thu ngân sách trên địa bàn (không kể tiền thu sử dụng đất) tăng 12%/năm trở lên và duy trì tự bảo đảm cân đối thu chi ngân sách.
- Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 111.680 tỷ đồng trở lên (gấp 1,99 lần 5 năm 2016-2020).
- Đến năm 2025, quy mô kinh tế chiếm tỷ trọng 25% tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh;
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm 65,5%, thương mại - dịch vụ chiếm 33,5%, nông nghiệp - thủy sản chiếm 1,0%;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 93 triệu đồng/năm trở lên (bằng 1,2 lần bình quân của cả tỉnh)
- Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 80%; diện tích cây xanh đô thị bình quân đạt 10,5m /người;
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 39m người trở lên. Cơ bản hình thành không gian đô thị hiện đại hai bên sông Trà Lý và các tuyến giao thông đối ngoại.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 12,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó có chứng chỉ nghề trở lên đạt 37%.
- Phấn đấu 100% chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, 100% nước thải sinh hoạt ở đô thị và 100% nước thải công nghiệp, nước thải y tế được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn.





## Giai đoạn 2026 - 2030

- Bình quân tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 12%/năm
- Thu ngân sách trên địa bàn (không kể tiền thu sử dụng đất) tăng 12%/năm trở lên.
- Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm bằng 2,0 lần trở lên so với 5 năm 2021-2025.
- Đến năm 2030, duy trì quy mô kinh tế chiếm tỷ trọng 25% tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh;
- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực với giá trị ngành thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng 50% trở lên;
- Thu nhập bình quân đầu người bằng 1,3 lần bình quân chung của cả tỉnh.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 9%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có chứng chỉ nghề trở lên đạt 45%.

## Tầm nhìn năm 2045

Xây dựng thành phố Thái Bình phát triển thông minh, hiện đại, thân thiện kinh tế thịnh vượng, xã hội tiến bộ, môi trường bền vững, chất lượng cuộc sống người dân ở mức độ cao; là một trong những đô thị phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước, mang đậm nét bản sắc văn hóa của vùng đất và con người Thái Bình.



# HUYỆN ĐÔNG HƯNG

## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Cùng với thành phố Thái Bình, huyện Đông Hưng nằm ở trung tâm tỉnh Thái Bình, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Thái Thụy

Phía tây giáp huyện Hưng Hà

Phía nam giáp huyện Kiến Xương, huyện Vũ Thư và thành phố Thái Bình

Phía bắc giáp huyện Quỳnh Phụ.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

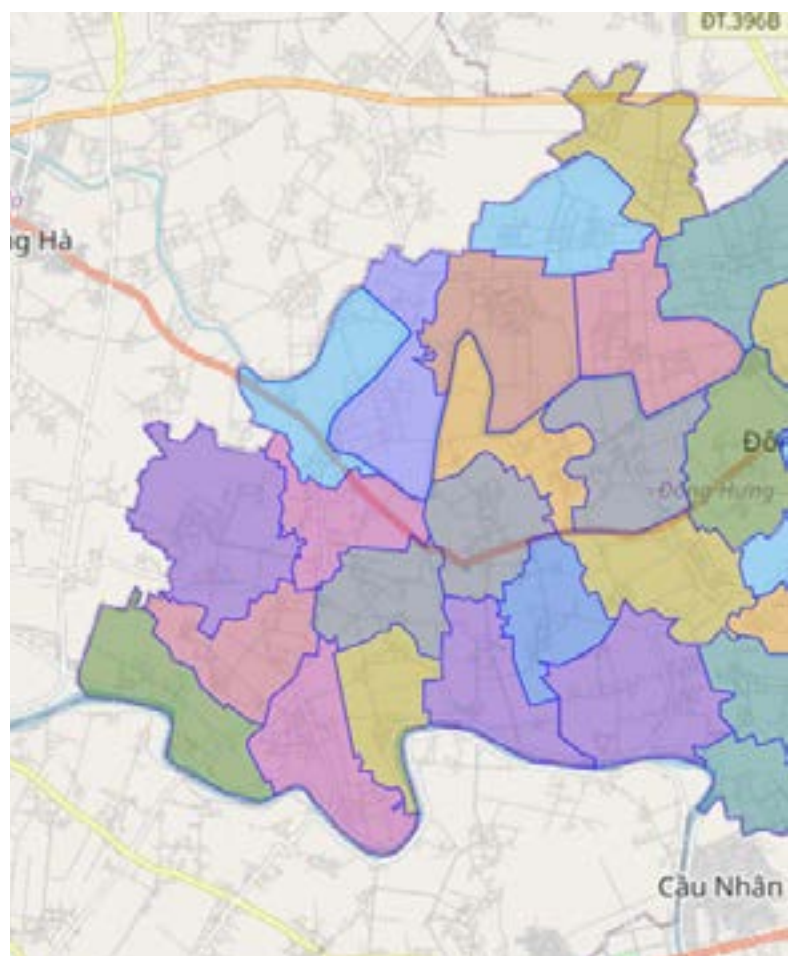
Diện tích: 191,76 km<sup>2</sup>

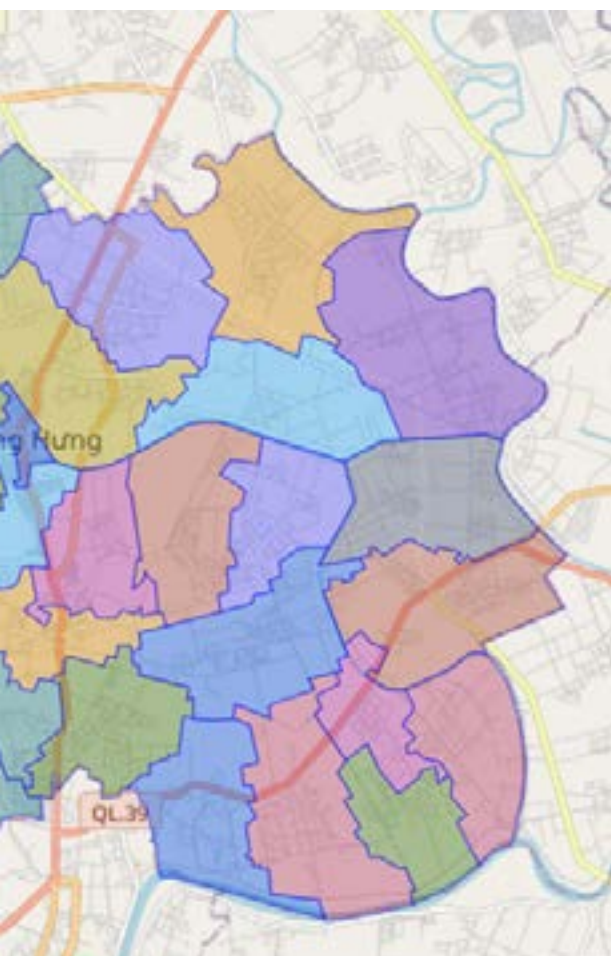
Dân số trung bình: 244.838 người

Mật độ: 1.277 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đông Hưng có 38 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đông Hưng và 37 xã: An Châu, Chương Dương, Đô Lương, Đông Á, Đông Các, Đông Cường, Đông Dương, Đông Động, Đông Hoàng, Đông Hợp, Đông Kinh, Đông La, Đông Phương, Đông Quan, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tân, Đông Vinh, Đông Xá, Đông Xuân, Hà Giang, Hồng Bạch, Hồng Giang, Hồng Việt, Hợp Tiến, Liên Giang, Liên Hoa, Lô Giang, Mê Linh, Minh Phú, Minh Tân, Nguyên Xá, Phong Châu, Phú Châu, Phú Lương, Thăng Long, Trọng Quan.





# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

## GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

***Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới; huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững, xây dựng Đông Hưng sớm có nền nông nghiệp, công nghiệp theo hướng hiện đại.***

- Phấn đấu đưa giá trị sản xuất của huyện tăng bình quân 10,96%/ năm trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80 triệu đồng/năm.
- Đến năm 2025, toàn huyện có 20% trở lên xã đạt nông thôn mới nâng cao, trong đó có 2 xã trở lên đạt nông thôn mới kiểu mẫu.
- Hằng năm, có từ 90% trở lên số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 80% số đảng viên trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

# Làng Nguyễn - Đông Hưng



# Làng nghề làm Bánh cày truyền thống



# HUYỆN HƯNG HÀ

## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Hưng Hà nằm ở phía tây bắc của tỉnh Thái Bình, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Đông Hưng và huyện Quỳnh Phụ

Phía tây giáp huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (qua sông Hồng) và thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (qua sông Luộc)

Phía nam giáp huyện Vũ Thư

Phía bắc giáp huyện Tiên Lữ và huyện Phù Cù thuộc tỉnh Hưng Yên với ranh giới là sông Luộc.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 210,28 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 253.272 người

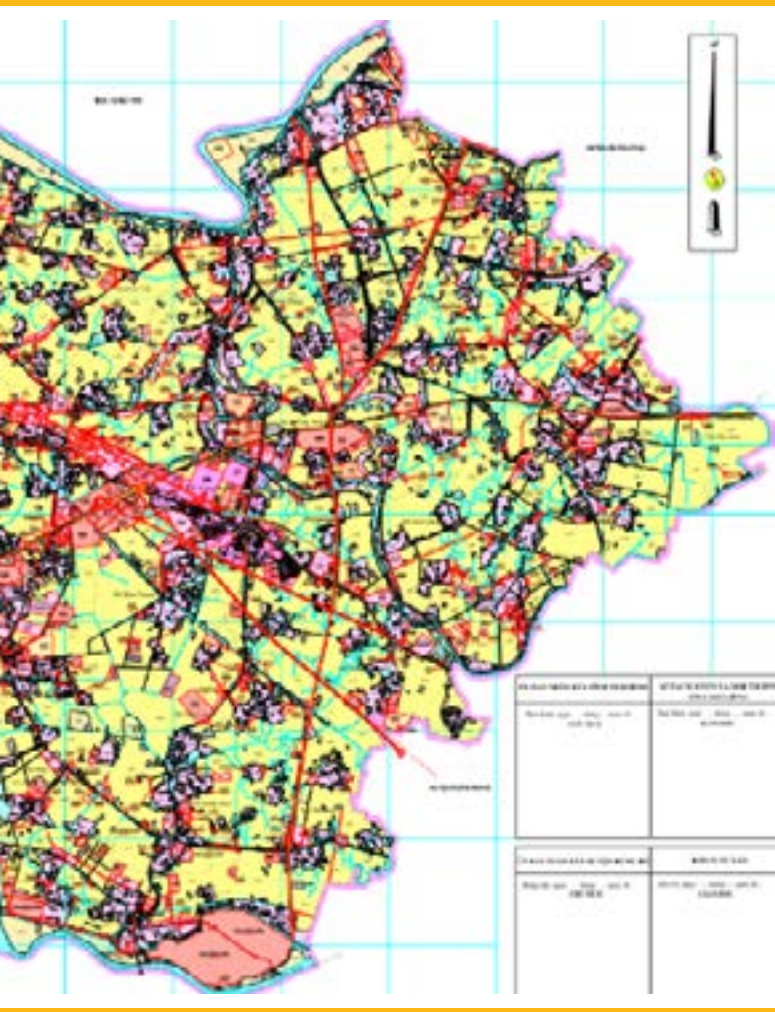
Mật độ: 1.204 người/km<sup>2</sup>





## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hưng Hà có 35 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Hưng Hà, Hưng Nhân và 33 xã: Bắc Sơn, Canh Tân, Chí Hòa, Chi Lăng, Cộng Hòa, Dân Chủ, Điệp Nông, Đoàn Hùng, Độc Lập, Đông Đô, Duyên Hải, Hòa Bình, Hòa Tiến, Hồng An, Hồng Lĩnh, Hồng Minh, Hùng Dũng, Kim Trung, Liên Hiệp, Minh Hòa, Minh Khai, Minh Tân, Phúc Khánh, Tân Hòa, Tân Lễ, Tân Tiến, Tây Đô, Thái Hưng, Thái Phương, Thống Nhất, Tiến Đức, Văn Cẩm, Văn Lang, Hồng Bạch, Hồng Giang, Hồng Việt, Hợp Tiến, Liên Giang, Liên Hoa, Lô Giang, Mê Linh, Minh Phú, Minh Tân, Nguyên Xá, Phong Châu, Phú Châu, Phú Lương, Thăng Long, Trọng Quan.



# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025  
TẦM NHÌN ĐẾN 2030

**“Phát huy những thành quả và kinh nghiệm của 35 năm đổi mới, giữ vững đoàn kết thống nhất, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy truyền thống văn hoá, văn hiến, yêu nước, cách mạng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; huy động mọi nguồn lực, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; phát triển mạnh thương mại - dịch vụ; tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng 2 thị trấn đạt tiêu chí đô thị loại 4; xây dựng xã Thái Phương đạt tiêu chí đô thị loại 5”.**



- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 10,66%/năm trở lên.
- Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn bình quân đạt từ 8% trở lên.
- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong giá trị sản xuất: 89,07%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 78 triệu đồng trở lên/người/năm.
- Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 30% trở lên.
- Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu đạt 10%.
- Hệ thống kết cấu hạ tầng 2 thị trấn đạt tiêu chí đô thị loại 4.
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 95% trở lên; có 90% trở lên thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa.
- Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 90% trở lên; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên.
- các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90% trở lên...

# HUYỆN KIẾN XƯƠNG

## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Kiến Xương nằm ở phía nam của tỉnh Thái Bình, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Tiền Hải

Phía tây giáp thành phố Thái Bình và huyện Vũ Thư

Phía nam giáp huyện Xuân Trường và huyện Giao Thủy thuộc tỉnh Nam Định

Phía bắc giáp huyện Đông Hưng và huyện Thái Thụy.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

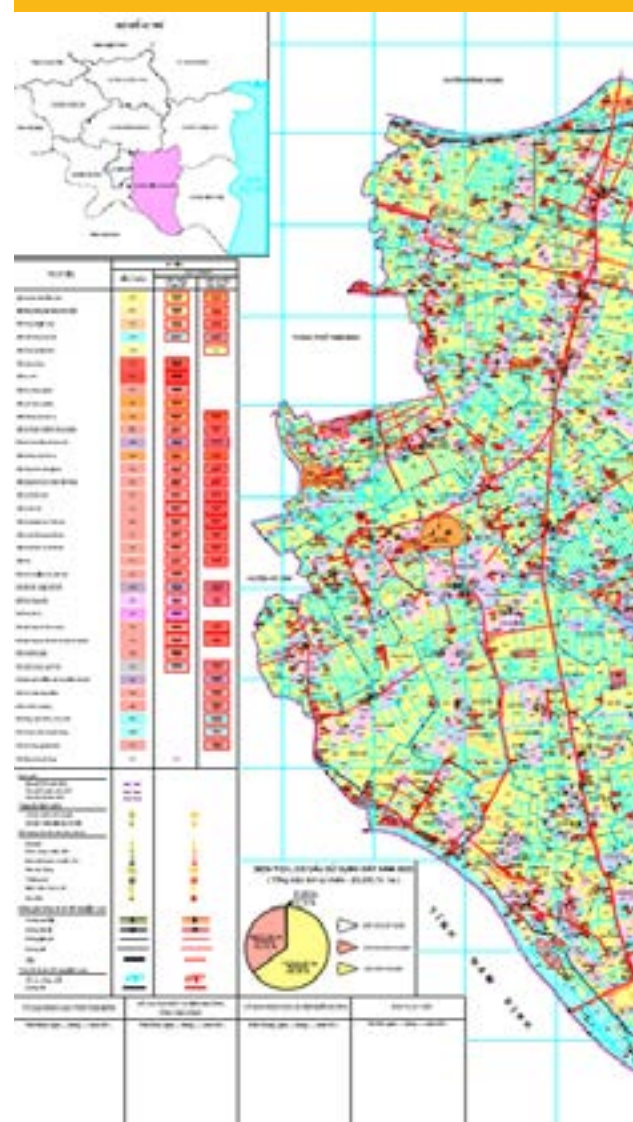
Diện tích: 199,21 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 216.682 người

Mật độ: 1.088 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Kiến Xương có 33 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Kiến Xương và 32 xã: An Bình, Bình Định, Bình Minh, Bình Nguyên, Bình Thanh, Đình Phùng, Hòa Bình, Hồng Thái, Hồng Tiến, Lê Lợi, Minh Quang, Minh Tân, Nam Bình, Nam Cao, Quang Bình, Quang Lịch, Quang Minh, Quang Trung, Quốc Tuấn, Tây Sơn, Thanh Tân, Thượng Hiền, Trà Giang, Vũ An, Vũ Bình, Vũ Công, Vũ Hòa, Vũ Lễ, Vũ Ninh, Vũ Quý, Vũ Thắng, Vũ Trung.

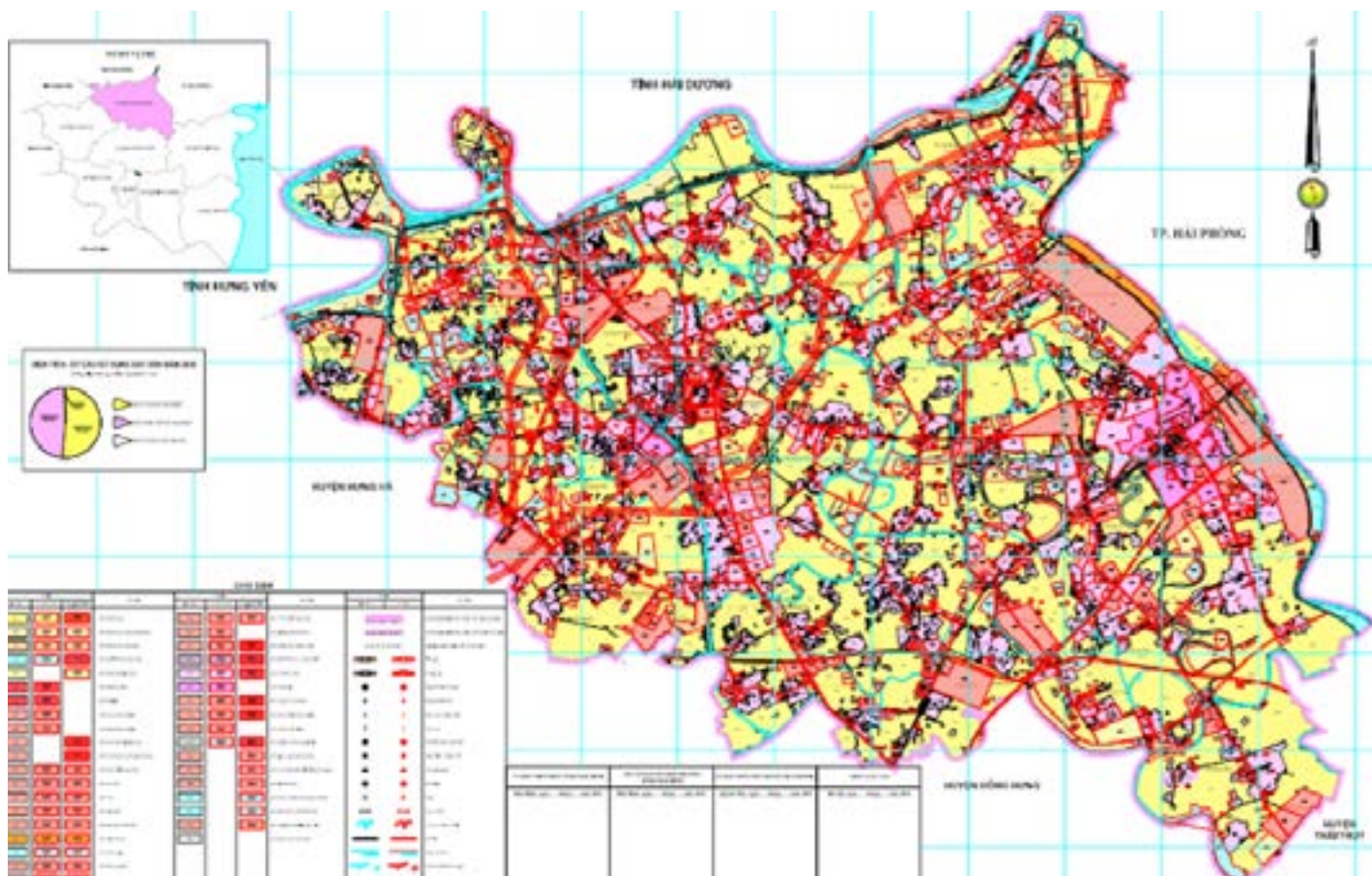




## MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất hàng năm tăng 10,02% trở lên
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 15,8%; công nghiệp, xây dựng và dịch vụ 84,2%.
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 118,42 triệu USD trở lên.
- Thu nhập bình quân đạt 77,38 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 100%, trong đó ít nhất 20% trường đạt chuẩn mức 2.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 23%.
- Giải quyết việc làm mới cho trên 5,4 nghìn lao động/năm.
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hoá đạt 92% trở lên.
- Phấn đấu trên 25% số xã đạt nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.
- Hàng năm có trên 90% tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và trên 85% chính quyền đạt trong sạch vững mạnh.

# HUYỆN QUỲNH PHỤ



## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Quỳnh Phụ nằm ở phía bắc tỉnh Thái Bình, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Thái Thụy và huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

Phía tây giáp huyện Hưng Hà và huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

Phía nam giáp huyện Đông Hưng

Phía bắc giáp huyện Thanh Miện và huyện Ninh Giang thuộc tỉnh Hải Dương.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 209,6 km<sup>2</sup>

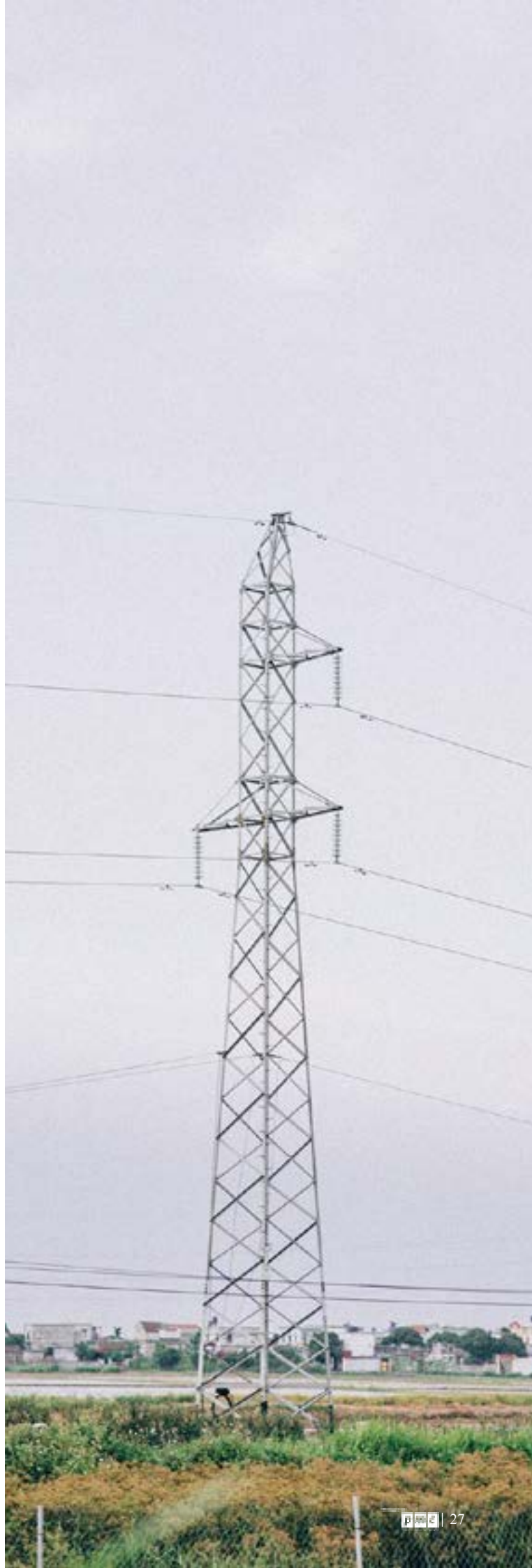
Dân số trung bình: 240.940 người

Mật độ: 1.150 người/km<sup>2</sup>



## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quỳnh Phụ có 37 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Quỳnh Côi, An Bàng và 35 xã: An Ấp, An Cầu, An Đồng, An Dục, An Hiệp, An Khê, An Lễ, An Mỹ, An Ninh, An Quý, An Thái, An Thanh, An Tràng, An Vinh, An Vũ, Châu Sơn, Đông Hải, Đông Tiến, Quỳnh Bảo, Quỳnh Giao, Quỳnh Hải, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hoàng, Quỳnh Hội, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng, Quỳnh Khê, Quỳnh Lâm, Quỳnh Minh, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Thọ, Quỳnh Trang, Quỳnh Xá.



# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025  
TẦM NHÌN ĐẾN 2030



**Tăng cường đoàn kết, thống nhất; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao năng lực, vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ, tổ chức đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tập trung khai thác và phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, giao thông, tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp phát triển kinh tế toàn diện. Phối hợp xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư kinh doanh và sản xuất nông nghiệp an toàn, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Quan tâm phát triển đô thị và các loại hình dịch vụ, thương mại theo hướng hiện đại. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống; nâng cao chất lượng, hiệu quả lĩnh vực xã hội. Tăng cường quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Quỳnh Phụ trở thành huyện phát triển nhanh và bền vững.**





- Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 12,22% /năm trở lên;
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản: 10,3%; công nghiệp, xây dựng: 77,1%; thương mại dịch vụ: 12,60%;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng/năm;
- Phần đầu đến năm 2025 có 10 xã trở lên hoàn thành xây dựng nông thôn mới nâng cao và 1 – 2 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu;
- Giải quyết việc làm mới 5.500 lao động/năm...



## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Thái Thụy nằm ở phía đông của tỉnh Thái Bình, có trí địa lý:

Phía đông giáp vịnh Bắc Bộ

Phía tây giáp huyện Đông Hưng và huyện Quỳnh Phụ

Phía nam giáp huyện Kiến Xương và huyện Tiền Hải

Phía bắc giáp huyện Vĩnh Bảo và huyện Tiên Lãng thuộc thành phố Hải Phòng.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 256,83 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 255.222 người

Mật độ: 994 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Thái Thụy có 36 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Diêm Điền và 35 xã: An Tân, Dương Hồng Thủy, Dương Phúc, Hòa An, Hồng Dũng, Mỹ Lộc, Sơn Hà, Tân Học, Thái Đô, Thái Giang, Thái Hưng, Thái Nguyên, Thái Phúc, Thái Thịnh, Thái Thợ, Thái Thượng, Thái Xuyên, Thuần Thành, Thụy Bình, Thụy Chính, Thụy Dân, Thụy Duyên, Thụy Hải, Thụy Hưng, Thụy Liên, Thụy Ninh, Thụy Phong, Thụy Quỳnh, Thụy Sơn, Thụy Thanh, Thụy Trình, Thụy Trường, Thụy Văn, Thụy Việt, Thụy Xuân.





# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

---

## GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tốc độ tăng trưởng, giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 19,3%/năm. Trong đó, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 1,55%/năm, công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng 23,85%/năm, thương mại - dịch vụ tăng 12,54%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu/năm.
- Cơ cấu kinh tế năm 2025: Tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 8,9%, công nghiệp, xây dựng cơ bản chiếm 79%, thương mại - dịch vụ 12,1%.
- Thu ngân sách tăng bình quân 12%/năm.
- 30% - 35% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, 25% số xã thực hiện và đạt tiêu chuẩn mỗi xã 1 sản phẩm (OCOP), quy hoạch, xây dựng 1 khu xử lý rác thải tập trung.
- Phấn đấu trên 70% lao động qua đào tạo.
- Hàng năm giải quyết việc làm mới cho trên 4.700 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 0,2%/năm.

# HUYỆN TIỀN HẢI



## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Tiền Hải nằm ở phía đông nam của tỉnh Thái Bình, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp Vịnh Bắc Bộ

Phía tây giáp huyện Kiến Xương

Phía nam giáp huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định với ranh giới là sông Hồng

Phía bắc giáp huyện Thái Thụy với ranh giới là sông Trà Lý.

## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

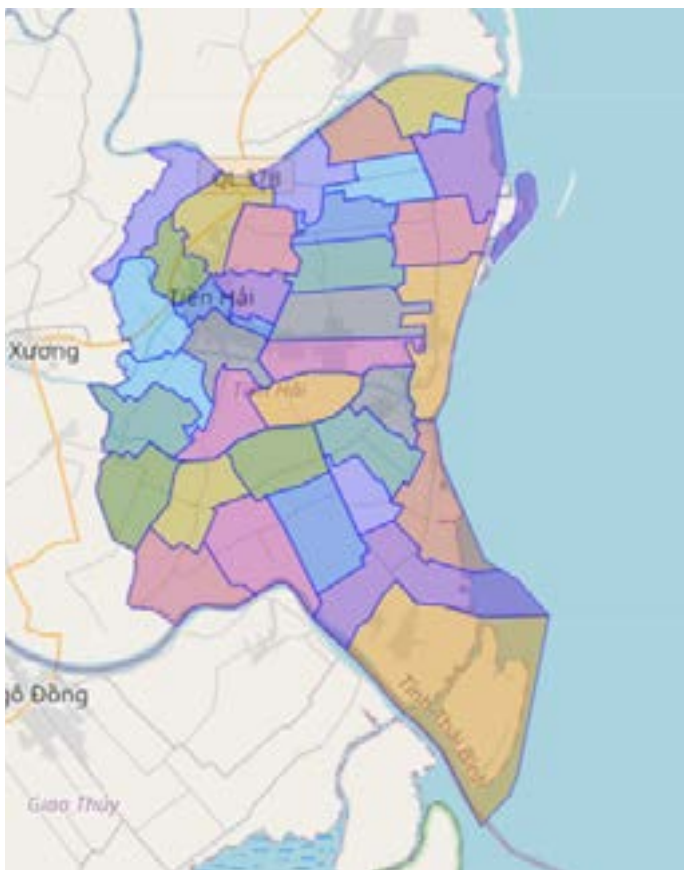
Diện tích: 226 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 215.535 người

Mật độ: 954 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Tiền Hải có 32 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tiền Hải và 31 xã: An Ninh, Bắc Hải, Đông Cự, Đông Hoàng, Đông Lâm, Đông Long, Đông Minh, Đông Phong, Đông Quý, Đông Trà, Đông Trung, Đông Xuyên, Nam Chính, Nam Cường, Nam Hà, Nam Hải, Nam Hồng, Nam Hưng, Nam Phú, Nam Thanh, Nam Thắng, Nam Thịnh, Nam Trung, Phương Công, Tây Giang, Tây Lương, Tây Ninh, Tây Phong, Tây Tiến, Vân Trường, Vũ Lăng.





# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

*Phát huy những thành quả và kinh nghiệm của 35 năm đổi mới và những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua. Tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khai thác tốt tiềm năng khu kinh tế, phát triển kinh tế nhanh và bền vững; đẩy mạnh phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.*

## Bình quân giai đoạn 2021-2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất hằng năm (giá so sánh năm 2010) tăng 15% trở lên.
- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu 10%/năm trở lên.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 18.420 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn (không tính tiền thu sử dụng đất) đạt 12%/năm trở lên.



## Đến năm 2025

- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 80% trở lên trong cơ cấu kinh tế.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm giảm xuống còn 22%.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 30% trở lên.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên.
- Tỷ lệ số trường mầm non, tiểu học và THCS đạt chuẩn Quốc gia đạt 100%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 78 triệu đồng.
- Giảm 1/3 quy mô số hộ nghèo giai đoạn 2021-2025.
- Tỷ lệ gia đình, thôn tổ dân phố chuẩn văn hóa đạt 93% trở lên.
- Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 20% trở lên; có 2 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80%





## Hàng năm

- Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 90% trở lên, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên.
- Cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xếp loại tốt đạt 90% trở lên.



# HUYỆN VŨ THƯ

## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Vũ Thư nằm ở phía tây của tỉnh Thái Bình, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp thành phố Thái Bình và huyện Kiến Xương

Phía tây giáp huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam và huyện Nam Trực, huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Phía nam giáp huyện Xuân Trường và huyện Trực Ninh thuộc tỉnh Nam Định

Phía bắc giáp huyện Hưng Hà và huyện Đông Hưng.



## DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 195,16 km<sup>2</sup>

Dân số trung bình: 227.921 người

Mật độ: 1.168 người/km<sup>2</sup>

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Vũ Thư có 30 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Vũ Thư và 29 xã: Bách Thuận, Đồng Thanh, Dũng Nghĩa, Duy Nhất, Hiệp Hòa, Hòa Bình, Hồng Lý, Hồng Phong, Minh Khai, Minh Lãng, Minh Quang, Nguyên Xá, Phúc Thành, Song An, Song Lãng, Tam Quang, Tân Hòa, Tân Lập, Tân Phong, Trung An, Tự Tân, Việt Hùng, Việt Thuận, Vũ Đoài, Vũ Hội, Vũ Tiến, Vũ Vân, Vũ Vinh, Xuân Hòa.



# MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025  
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

*“Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị xã hội, khai thác mọi nguồn lực đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển kinh tế bền vững, gắn với phát triển văn hoá xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Xây dựng huyện Vũ Thư phát triển toàn diện”.*

- Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất bình quân hằng năm 10,68%/năm;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 78 triệu đồng;
- Đến năm 2025 có 30% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, trong đó có 10% xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu...



# Reference Material

## *Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Thái Bình Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

### **Tỉnh Thái Bình**

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/jf4mk8>

### **Thành Phố Thái Bình**

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ thành phố Thái Bình lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/56d0sa>

### **Huyện Đông Hưng**

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Đông Hưng lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/e3w1tu>

### **Huyện Hưng Hà**

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Hưng Hà lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/fvcs35>

### **Huyện Kiến Xương**

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Kiến Xương lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/kl0p8i>

### **Huyện Quỳnh Phụ**

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Quỳnh Phụ lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/8fg43c>

### **Huyện Thái Thụy**

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Thái Thụy lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/6fhw1m>

### **Huyện Tiền Hải**

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tiền Hải lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)  
<https://bitly.com.vn/89g2sa>

### **Huyện Vũ Thư**

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)  
<https://bitly.com.vn/ycbr43>



### *Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Thái Bình*

| ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH   | DÂN SỐ TRUNG BÌNH | DIỆN TÍCH (km <sup>2</sup> ) | MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km <sup>2</sup> ) |
|---------------------|-------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| <b>TOÀN TỈNH</b>    | <b>1.860.447</b>  | <b>1557</b>                  | <b>10877</b>                           |
| Thành Phố Thái Bình | 206.037           | 67,71                        | 3043                                   |
| Huyện Đông Hưng     | 244.838           | 191,76                       | 1277                                   |
| Huyện Hưng Hà       | 253.272           | 210,28                       | 1204                                   |
| Huyện Kiến Xương    | 216.682           | 199,21                       | 1088                                   |
| Huyện Quỳnh Phụ     | 240.940           | 209,6                        | 1150                                   |
| Huyện Thái Thụy     | 255.222           | 256,83                       | 994                                    |
| Huyện Tiền Hải      | 215.535           | 226                          | 954                                    |
| Huyện Vũ Thư        | 227.921           | 195,16                       | 1168                                   |

